

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 56

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## THÔNG TIN CHUNG

### TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 - 112 phố Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên
Ông Lê Việt Hà	Thành viên
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên
Ông Lee Jay Seok	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2022
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2023)
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính

(\*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tập đoàn.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Nguyễn Trang Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

Số tham chiếu: 61376291/66816250-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 6 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Nguyễn Thu Hằng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3342-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

11/21  
: N  
/ C  
/ 211



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.535.833.245.440</b>	<b>3.513.116.361.563</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>371.043.702.907</b>	<b>350.756.710.122</b>
111	1. Tiền		331.043.702.907	240.585.562.032
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	110.171.148.090
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.237.535.940.406</b>	<b>1.154.624.329.319</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.237.535.940.406	1.154.624.329.319
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.559.874.587.051</b>	<b>1.462.786.989.456</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.412.958.962.807	1.240.674.877.384
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	55.742.741.456	71.773.486.781
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	143.056.315.786	197.439.615.932
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(51.884.465.742)	(47.110.223.385)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.032.744	9.232.744
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>287.691.438.388</b>	<b>461.407.206.346</b>
141	1. Hàng tồn kho		290.560.829.858	463.877.376.819
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.869.391.470)	(2.470.170.473)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>79.687.576.688</b>	<b>83.541.126.320</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	57.055.452.671	38.187.047.985
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		21.040.363.118	43.280.885.609
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.591.760.899	2.073.192.726
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.026.037.895.720</b>	<b>2.742.808.850.012</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>33.197.005.216</b>	<b>27.913.266.835</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	33.197.005.216	27.913.266.835
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.355.191.222.838</b>	<b>1.460.573.245.671</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.898.619.262.139	1.060.758.453.927
222	Nguyên giá		3.337.275.858.391	2.212.592.981.747
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.438.656.596.252)	(1.151.834.527.820)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	103.991.316
225	Nguyên giá		-	211.866.857
226	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(107.875.541)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	456.571.960.699	399.710.800.428
228	Nguyên giá		643.884.996.104	551.695.047.917
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(187.313.035.405)	(151.984.247.489)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>168.197.170.373</b>	<b>902.936.873.568</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		240.000.000	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	167.957.170.373	902.936.873.568
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>81.417.870.550</b>	<b>67.727.037.392</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	81.417.870.550	67.727.037.392
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>388.034.626.743</b>	<b>283.658.426.546</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	387.370.379.209	281.815.450.414
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	281.395.425	800.878.859
269	3. Lợi thế thương mại	15	382.852.109	1.042.097.273
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.561.871.141.160</b>	<b>6.255.925.211.575</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.439.128.592.930</b>	<b>3.534.164.147.807</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.931.044.401.899</b>	<b>2.580.536.477.241</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	806.590.609.484	784.854.930.214
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	100.693.549.007	94.875.515.374
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	43.841.966.173	42.671.792.884
314	4. Phải trả người lao động		220.483.817.300	270.946.424.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	570.075.928.992	394.655.029.077
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	191.372.449.669	137.920.931.670
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	86.694.213.159	80.866.708.267
320	8. Vay ngắn hạn	21	882.151.399.256	746.981.326.931
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	9.466.490.946	8.495.346.242
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	19.673.977.913	18.268.471.702
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>508.084.191.031</b>	<b>953.627.670.566</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	32.579.479.843	16.779.512.272
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	2.421.157.655	8.011.342.353
338	3. Vay dài hạn	21	442.881.363.105	895.365.593.330
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	27.488.851.112	28.044.762.113
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	24	2.713.339.316	5.426.460.498
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.122.742.548.230</b>	<b>2.721.761.063.768</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>25</b>	<b>3.122.742.548.230</b>	<b>2.721.761.063.768</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.505.960.320.000	1.089.988.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.505.960.320.000	1.089.988.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.216.950.400	599.555.780.400
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		328.912.815.733	229.833.072.529
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(682.489.229)	403.541.476
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		308.400.731.290	276.848.430.452
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		3.134.202.524	43.334.709.025
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		305.266.528.766	233.513.721.427
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		648.934.220.036	525.131.408.915
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.561.871.141.160</b>	<b>6.255.925.211.575</b>

Nguyễn Hồng Phương  
Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	7.668.581.525.819	6.290.873.013.090
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	4.941.537.239	488.180.142
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	27.1	7.663.639.988.580	6.290.384.832.948
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	6.222.802.746.555	5.106.644.455.412
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		1.440.837.242.025	1.183.740.377.536
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	97.907.811.604	92.768.843.638
22	7. Chi phí tài chính	29	125.771.379.672	74.789.329.094
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		103.258.041.352	70.751.961.895
24	8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	13	33.055.035.856	24.076.681.395
25	9. Chi phí bán hàng	30	566.391.899.339	464.702.792.072
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	478.326.111.772	363.604.772.419
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		401.310.698.702	397.489.008.984
31	12. Thu nhập khác	31	5.709.530.076	525.216.206
32	13. Chi phí khác	31	4.854.344.124	29.275.140.450
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]	31	855.185.952	(28.749.924.244)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		402.165.884.654	368.739.084.740
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.2	47.113.535.275	51.434.076.382
52	17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.3	(36.427.567)	407.325.982

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		355.088.776.946	317.712.334.340
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	25.1	310.516.859.797	241.532.179.280
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25.1	44.571.917.149	76.180.155.060
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.041	1.351
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	35	2.041	1.351



Nguyễn Hồng Phương  
Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>402.165.884.654</b>	<b>368.739.084.740</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		330.866.347.757	234.853.051.458
03	Trích lập dự phòng		14.609.341.936	8.028.413.952
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		282.778.108	2.520.804.945
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(109.822.249.753)	(105.553.318.490)
06	Chi phí lãi vay	29	103.258.041.352	70.751.961.895
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>741.360.144.054</b>	<b>579.339.998.500</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(90.133.388.103)	(123.654.314.389)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		171.844.714.281	(227.829.566.997)
11	Tăng các khoản phải trả		170.930.348.958	588.713.253.434
12	Tăng chi phí trả trước		(124.864.637.486)	(48.300.352.267)
14	Tiền lãi vay đã trả		(94.406.206.068)	(68.128.865.362)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(61.553.773.852)	(50.136.536.596)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.531.548.385)	(23.455.955.056)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>674.645.653.399</b>	<b>626.547.661.267</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(402.555.669.445)	(772.378.169.184)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	472.125.212
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.889.628.534.381)	(1.385.084.108.385)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.806.716.923.294	1.365.626.829.315
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	(161.025.829.311)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		98.957.566.584	75.021.372.701
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(386.509.713.948)</b>	<b>(877.367.779.652)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		87.481.974.891	-
33	Tiền thu từ đi vay		2.133.538.302.150	2.440.930.789.482
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.450.852.460.050)	(1.997.512.322.497)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		(37.690.475.911)	(119.391.365)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		<b>(267.522.658.920)</b>	<b>443.299.075.620</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>20.613.280.531</b>	<b>192.478.957.235</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		<b>350.756.710.122</b>	<b>158.177.369.944</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(326.287.746)	100.382.943
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<b>4</b>	<b>371.043.702.907</b>	<b>350.756.710.122</b>

Nguyễn Hồng Phương  
Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 phố Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 là 5.148 (ngày 31 tháng 3 năm 2022: 4.422).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có 15 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (i)	Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (iii)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Hà Nội	Dịch vụ và phân phối các sản phẩm phần mềm	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France (ii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (i)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (i)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (i)	Hà Nội	Đào tạo đại học	72,53%	72,53%
Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu (tên hiện tại là Trường Đại học CMC) (i)	Hà Nội	Đào tạo đại học	66%	91%

(i) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC, Công ty TNHH CMC Global và Công ty TNHH CMC Education.

(ii) Công ty này đã tạm dừng hoạt động.

(iii) Tỷ lệ lợi ích 54,63% bao gồm phần sở hữu gián tiếp thông qua Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với tỷ lệ 9,1%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### **2.3 *Kỳ kế toán năm***

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

### **2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán***

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**2.6 Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài**

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- ▶ Vốn chủ sở hữu được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch tại ngày góp vốn;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 3% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi khác thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị quản lý	2 - 8 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 15 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm
Quyền phát triển dự án	38 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là từ năm (5) năm đến mười (10) năm. Định kỳ, Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.11 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các khoản dự phòng**

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.15 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 05/2022/TT-BKH-CN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập trên thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

JN  
 I  
 H  
 PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế và được xác nhận bởi khách hàng theo từng hợp đồng tại ngày báo cáo.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ sản phẩm phần mềm*

Đối với dịch vụ cung cấp sản phẩm phần mềm, Tập đoàn ghi nhận doanh thu dựa trên khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng nghiệm thu.

*Doanh thu phí thuê bao của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông*

Doanh thu phí thuê bao hàng tháng của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê bao của từng khách hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

*Doanh thu từ cước kết nối dịch vụ viễn thông*

Doanh thu từ cước kết nối dịch vụ viễn thông được ghi nhận khi có phát sinh dịch vụ kết nối, tương ứng với giá trị cước kết nối mà Tập đoàn được hưởng dựa vào biên bản đối soát hàng tháng giữa Tập đoàn và các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông khác.

*Tiền cho thuê*

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.18 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.701.807.145	2.378.662.509
Tiền gửi ngân hàng	327.341.895.762	238.206.899.523
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	110.171.148.090
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>371.043.702.907</b>	<b>350.756.710.122</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 bao gồm khoản chứng chỉ tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT với kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 7,7%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2022: 7%/năm).

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Đầu tư ngắn hạn (i)	1.237.535.940.406	1.237.535.940.406	1.154.624.329.319	1.154.624.329.319
	<b>1.237.535.940.406</b>	<b>1.237.535.940.406</b>	<b>1.154.624.329.319</b>	<b>1.154.624.329.319</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm:

- ▶ Các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại và tại các công ty tài chính có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 13 tháng, hưởng lãi suất từ 1,35%/năm đến 13,1%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2022: từ 4,9%/năm đến 8,5%/năm);
- ▶ Các khoản tiền gửi bằng USD có kỳ hạn gốc 6 tháng, hưởng lãi suất 0%. Tập đoàn đã sử dụng một số khoản tiền gửi để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay thấu chi và khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	1.411.243.866.064	1.239.685.657.704
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	1.715.096.743	989.219.680
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.412.958.962.807</u></b>	<b><u>1.240.674.877.384</u></b>
<i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(46.977.987.581)</i>	<i>(42.203.745.224)</i>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Apes	7.371.200.957	4.956.418.718
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	48.371.540.499	66.817.068.063
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>55.742.741.456</u></b>	<b><u>71.773.486.781</u></b>
<i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(164.759.188)</i>	<i>(164.759.188)</i>

**6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	47.110.223.385	67.290.865.148
Trích lập dự phòng trong năm	6.736.778.874	4.494.072.205
Hoàn nhập/sử dụng dự phòng trong năm	(1.962.536.517)	(24.674.713.968)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>51.884.465.742</u></b>	<b><u>47.110.223.385</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>	<i>(46.977.987.581)</i>	<i>(42.203.745.224)</i>
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>	<i>(164.759.188)</i>	<i>(164.759.188)</i>
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>	<i>(4.741.718.973)</i>	<i>(4.741.718.973)</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Lãi dự thu	31.100.209.741	-	34.118.906.412	-
Các khoản tạm ứng	36.267.574.201	-	40.946.118.901	-
Phải thu về đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng (i)	55.739.880.900	-	55.739.880.900	-
Phải thu doanh thu chưa xuất hóa đơn	8.537.979.752	-	53.368.048.633	-
Ký quỹ, ký cược	1.020.775.107	-	2.547.216.101	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	6.889.896.085	(1.241.718.973)	7.219.444.985	(1.241.718.973)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>143.056.315.786</b>	<b>(4.741.718.973)</b>	<b>197.439.615.932</b>	<b>(4.741.718.973)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	33.197.005.216	-	27.913.266.835	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.197.005.216</b>	<b>-</b>	<b>27.913.266.835</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty TNHH Phát triển THT để nhận chuyển nhượng dự án thành phần tại lô đất B2CC3 có tổng diện tích là 11.341 m<sup>2</sup> tại Dự án Khu Trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây (Starlake) theo hợp đồng đặt cọc ký giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển THT.

**8. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Các khoản phải thu cước viễn thông quá hạn từ khách hàng cá nhân	28.590.296.786	10.609.556.413	44.650.029.849	28.617.922.755
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	35.815.975.950	1.912.250.581	31.078.116.291	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.406.272.736</b>	<b>12.521.806.994</b>	<b>75.728.146.140</b>	<b>28.617.922.755</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu và máy móc thiết bị, vật tư chờ lắp đặt vào công trình	65.684.293.624	-	191.492.988.758	-
Công cụ, dụng cụ	2.320.975.544	-	648.192.572	-
Thành phẩm	1.085.241.667	-	502.365.666	-
Hàng hóa	136.813.935.276	(2.869.391.470)	175.361.932.695	(2.470.170.473)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.443.281.504	-	93.418.796.042	-
Hàng gửi đi bán	213.102.243	-	2.453.101.086	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>290.560.829.858</b>	<b>(2.869.391.470)</b>	<b>463.877.376.819</b>	<b>(2.470.170.473)</b>

*Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.470.170.473	767.495.721
Dự phòng trích lập trong năm	2.869.391.470	2.348.957.363
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.470.170.473)	(646.282.611)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.869.391.470</b>	<b>2.470.170.473</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dân	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	223.771.953.137	1.244.262.269.596	683.266.399.499	54.513.812.919	6.778.546.596	2.212.592.981.747
- Mua trong năm	-	97.141.947.467	428.448.869	4.553.679.047	444.197.670	102.568.273.053
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	354.094.935.072	633.947.817.448	34.266.499.820	12.541.961.752	-	1.034.851.214.092
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.383.086.593)	(413.155.896)	(4.940.368.012)	-	(12.736.610.501)
Số cuối năm	577.866.888.209	1.967.968.947.918	717.548.192.292	66.669.085.706	7.222.744.266	3.337.275.858.391
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	1.564.981.988	379.716.495.578	178.654.597.174	19.384.264.177	2.838.273.506	582.158.612.423
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	53.244.822.726	721.991.193.859	335.613.745.300	36.757.935.923	4.226.830.012	1.151.834.527.820
- Khấu hao trong năm	20.753.141.032	219.552.214.123	43.744.417.249	11.346.915.992	603.679.263	296.000.367.659
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.929.261.550)	(330.587.366)	(4.918.450.312)	-	(9.178.299.227)
Số cuối năm	73.997.963.758	937.614.146.432	379.027.575.184	43.186.401.603	4.830.509.275	1.438.656.596.252
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	170.527.130.411	522.271.075.737	347.652.654.199	17.755.876.996	2.551.716.584	1.060.758.453.927
Số cuối năm	503.868.924.451	1.030.354.801.486	338.520.617.108	23.482.684.103	2.392.234.991	1.898.619.262.139
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	476.231.235.629	336.577.838.044	4.989.013.394	-	-	817.798.087.067

Tập đoàn đã sử dụng một phần diện tích của tài sản cố định là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội và Tòa nhà "Không gian sáng tạo" tại lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu Chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng cho các đơn vị thứ ba khác thuê sử dụng.

Tập đoàn cũng đã sử dụng một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế, quyền khai thác	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm máy tính	Quyền phát triển dự án (*)	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	199.886.176.182	551.086.545	75.843.950.450	266.342.703.401	9.071.131.339	551.695.047.917
- Mua trong năm	2.701.852.548	-	22.934.567.106	-	-	25.636.419.654
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.798.505.010	-	28.426.387.155	-	20.328.636.368	66.553.528.533
Số cuối năm	220.386.533.740	551.086.545	127.204.904.711	266.342.703.401	29.399.767.707	643.884.996.104
<b>Trong đó:</b>						
Đã hao mòn hết	50.890.465.475	551.086.545	36.513.466.502	-	5.201.348.181	93.156.366.703
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu năm	98.085.127.902	551.086.545	46.002.714.302	-	7.345.318.740	151.984.247.489
- Hao mòn trong năm	16.187.877.203	-	7.308.291.897	7.009.018.511	4.823.600.305	35.328.787.916
Số cuối năm	114.273.005.105	551.086.545	53.311.006.199	7.009.018.511	12.168.919.045	187.313.035.405
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	101.801.048.280	-	29.841.236.148	266.342.703.401	1.725.812.599	399.710.800.428
Số cuối năm	106.113.528.635	-	73.893.898.512	259.333.684.890	17.230.848.662	456.571.960.699

(\*) Đây là giá trị quyền phát triển dự án của Trường Đại học CMC được xác định tại ngày mua các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC và Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu (tên hiện tại là Trường Đại học CMC) vào ngày 21 tháng 2 năm 2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" (*)	142.270.511.094	665.417.573.391
Cải tạo văn phòng và xây dựng trung tâm dữ liệu	11.070.775.255	160.937.415.639
Giá trị vật tư xây lắp mạng cáp	6.102.246.770	18.148.137.096
Dự án cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	-	13.041.207.398
Dự án phát triển sản phẩm eDocman	-	14.103.771.933
Dự án xây dựng hệ thống đăng ký và quản lý tài sản đất đai và các tài sản khác gắn liền với đất	-	5.278.150.909
Dự án lưu trữ dữ liệu khách hàng	-	1.881.540.195
Các dự án khác	8.513.637.254	24.129.077.007
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>167.957.170.373</b>	<b>902.936.873.568</b>

(\*) Đây là chi phí đầu tư dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Tập đoàn tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 4,3 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022: 20,8 tỷ VND) cho các dự án xây dựng cơ bản.

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn nắm giữ 41,1% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT** (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

*Đơn vị tính: VND*

*Công ty Cổ phần  
Netnam*

**Giá trị đầu tư:**

Số đầu năm, cuối năm 7.258.356.000

**Phần lợi nhuận lũy kế trong công ty liên kết:**

Số đầu năm 60.468.681.392

Phần lợi nhuận từ công ty liên kết 33.055.035.856

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1.685.367.698)

Cổ tức nhận được trong năm (17.678.835.000)

Số cuối năm 74.159.514.550

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm 67.727.037.392

Số cuối năm 81.417.870.550

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

*Số cuối năm                      Số đầu năm*

**Ngắn hạn**

Công cụ, dụng cụ xuất dùng 20.798.575.800                      13.247.819.358

Chi phí thuê nhà, thuê cơ sở hạ tầng 7.816.320.193                      5.980.157.683

Chi phí cài đặt phần mềm 6.369.510.844                      7.224.389.139

Chi phí sửa chữa, bảo trì 724.280.369                      467.672.334

Chi phí trả trước ngắn hạn khác 21.346.765.465                      11.267.009.471

**TỔNG CỘNG** 57.055.452.671                      38.187.047.985

**Dài hạn**

Chi phí thuê kênh, thuê server 149.479.711.683                      128.088.493.808

Công cụ, dụng cụ xuất dùng 90.632.442.260                      101.928.060.672

Chi phí cải tạo văn phòng 52.139.258.509                      28.517.286.557

Tiền thuê đất trả trước 79.790.522.311                      7.304.889.261

Chi phí triển khai dự án 1.396.166.587                      2.398.301.572

Chi phí ứng cứu sự cố, sửa chữa 463.061.042                      740.204.676

Chi phí trả trước dài hạn khác 13.469.216.817                      12.838.213.868

**TỔNG CỘNG** 387.370.379.209                      281.815.450.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm, cuối năm	3.328.783.614	2.807.478.449	488.747.374	6.625.009.437
<b>Phân bổ lũy kế:</b>				
Số đầu năm	3.328.783.614	2.245.982.760	8.145.790	5.582.912.164
- Phân bổ trong năm	-	561.495.689	97.749.475	659.245.164
Số cuối năm	3.328.783.614	2.807.478.449	105.895.265	6.242.157.328
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	-	561.495.689	480.601.584	1.042.097.273
Số cuối năm	-	-	382.852.109	382.852.109

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	806.521.152.484	806.521.152.484	784.794.746.214	784.794.746.214
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	69.457.000	69.457.000	60.184.000	60.184.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>806.590.609.484</b>	<b>806.590.609.484</b>	<b>784.854.930.214</b>	<b>784.854.930.214</b>

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	100.683.099.340	94.875.515.374
Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan Công ty TNHH KPMG Việt Nam	13.400.400.000	13.400.400.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	8.331.550.747	9.133.450.747
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 34)	78.951.148.593	72.341.664.627
	10.449.667	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.693.549.007</b>	<b>94.875.515.374</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cần trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.2)	22.427.469.630	47.113.535.275	(61.553.773.852)	7.987.231.053
Thuế nhà thầu	6.131.030.699	49.701.582.225	(47.629.518.807)	8.203.094.117
Thuế giá trị gia tăng	4.996.233.742	441.533.557.039	(429.009.370.480)	17.520.420.301
Thuế thu nhập cá nhân	7.413.306.147	113.530.775.948	(111.768.652.934)	9.175.429.161
Thuế khác	1.703.752.666	23.650.678.861	(24.398.639.986)	955.791.541
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.671.792.884</b>	<b>675.530.129.348</b>	<b>(674.359.956.059)</b>	<b>43.841.966.173</b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(2.073.192.726)			(1.591.760.899)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	42.671.792.884			43.841.966.173

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê ngoài, mua ngoài	243.139.579.626	163.143.336.895
Chi phí các dự án tích hợp	119.640.084.204	87.163.040.692
Chi phí lương thường	131.314.598.767	86.655.815.524
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	38.498.414.201	27.044.805.571
Các chi phí phải trả khác	37.483.252.194	30.648.030.395
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>570.075.928.992</b>	<b>394.655.029.077</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.292.466.853	38.540.224.000
Phải trả cho đối tác liên doanh	11.547.964.936	5.350.147.371
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.705.884.082	10.866.876.418
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	12.831.522.325	5.041.633.940
Kinh phí công đoàn	6.005.296.370	5.092.548.046
Phải nộp Quỹ dịch vụ viễn thông công ích	2.650.210.509	1.204.945.942
Lãi vay phải trả	7.053.771.855	307.287.671
Các khoản phải trả khác	23.607.096.229	14.463.044.879
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.694.213.159</b>	<b>80.866.708.267</b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.465.614.552	8.011.342.353
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	955.543.103	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.421.157.655</b>	<b>8.011.342.353</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	152.861.636.320	127.427.927.577
Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	5.642.611.092	5.498.699.705
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác	32.868.202.257	4.994.304.388
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>191.372.449.669</u></b>	<b><u>137.920.931.670</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	32.579.479.843	16.779.512.272
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.579.479.843</u></b>	<b><u>16.779.512.272</u></b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay thấu chi ngân hàng	39.243.298.525	39.243.298.525	403.734.924.080	(442.978.222.605)	-	-	
Vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)	477.907.587.830	477.907.587.830	1.421.212.229.126	(1.527.888.741.465)	371.231.075.491	371.231.075.491	
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 21.2)	104.726.298.492	104.726.298.492	68.824.275.528	(82.996.115.884)	90.554.458.136	90.554.458.136	
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-	279.440.000.016	(30.000.000.000)	249.440.000.016	249.440.000.016	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	125.104.142.084	125.104.142.084	201.675.352.833	(155.853.629.304)	170.925.865.613	170.925.865.613	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>746.981.326.931</b>	<b>746.981.326.931</b>	<b>2.374.886.781.583</b>	<b>(2.239.716.709.258)</b>	<b>882.151.399.256</b>	<b>882.151.399.256</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 21.3)	616.485.593.318	616.485.593.318	239.766.873.416	(413.371.103.629)	442.881.363.105	442.881.363.105	
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 21.4)	278.880.000.012	278.880.000.012	560.000.004	(279.440.000.016)	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>895.365.593.330</b>	<b>895.365.593.330</b>	<b>240.326.873.420</b>	<b>(692.811.103.645)</b>	<b>442.881.363.105</b>	<b>442.881.363.105</b>	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	216.003.257.944	Kỳ hạn vay từ 5 tháng đến 12 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 4 tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	4,8% - 8,5%	Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC và của Công ty và toàn bộ số dư tiền gửi của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC tại Ngân hàng. Hợp đồng tiền gửi số 12010007688720 tại Ngân hàng với số tiền là 30.000.000.000 VND.
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	46.030.541.710	Gốc vay có kỳ hạn 4 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 7 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	3,5% - 7,0%	Hợp đồng tiền gửi tại MSB của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.
Ngân hàng TMCP Quân Đội ("MB")	49.718.766.750	Kỳ hạn của mỗi khoản vay từ 6 đến 12 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 25 tháng 10 năm 2023. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,1% - 9,3%	Tiền, thẻ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, chứng từ có giá tại MB của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC và Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn.
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	25.925.839.741	Kỳ hạn vay 4 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 6 tháng 9 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	5,7% - 7,2%	Hàng tồn kho, khoản phải thu hình thành từ vốn vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam của Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	28.033.905.326	Kỳ hạn vay 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 16 tháng 7 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	7,5% - 8,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	5.518.764.020	Kỳ hạn vay 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	7,8%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>371.231.075.491</b>			

#### 21.2 Vay ngắn hạn đối tượng khác

Đây là các khoản vay tín chấp từ các cá nhân với thời hạn 1 năm với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 12 tháng 1 năm 2024. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 7% đến 8%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 (VND)	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	55.919.396.764	55.919.396.764 VND	Kỳ hạn 6 năm. Gốc và lãi vay trả hàng quý đến ngày 1 tháng 2 năm 2025.	8,3%	Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.
	177.915.234.040	177.915.234.040 VND	Kỳ hạn 6 năm. Gốc và lãi vay được trả hàng quý đến ngày 1 tháng 2 năm 2025.	8,3%	Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.
	151.954.804.014	151.954.804.014 VND	Kỳ hạn 6 năm. Gốc và lãi vay được trả hàng quý đến ngày 1 tháng 2 năm 2025.	8,1% - 8,6%	Toàn bộ máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai thuộc Dự án "Không gian sáng tạo CMC" của Công ty.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	84.002.859.392	84.002.859.392 VND	Kỳ hạn 72 tháng. Gốc vay được trả hàng quý đến ngày 17 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	8,1% - 8,4%	Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.114.306.000	2.114.306.000 VND	Kỳ hạn 5 năm. Gốc và lãi được trả hàng quý đến ngày 6 tháng 3 năm 2025.	8,5%	Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	47.204.352.541	47.204.352.541 VND	Kỳ hạn 4 năm. Gốc và lãi vay được trả hàng quý đến ngày 4 tháng 8 năm 2025.	6%	Tài sản thuộc dự án DC Tầng G hình thành trong tương lai thuộc Dự án "Không gian sáng tạo CMC".
Shinhanbank	85.020.443.647	85.020.443.647 VND	Kỳ hạn 5 năm. Gốc và lãi vay được trả hàng quý đến ngày 27 tháng 10 năm 2026.	7,3%	Tài sản là máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng và vốn tự có thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.
Ngân hàng Yokohama	9.675.832.320	53.328.000 JPY	Khoản vay đáo hạn ngày 1 tháng 3 năm 2031. Lãi được trả hàng tháng.	1,5%	Tin chấp.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>613.807.228.718</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	170.925.865.613				
Vay dài hạn	442.881.363.105				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY (tiếp theo)**

**21.4 Trái phiếu phát hành**

Đây là khoản trái phiếu được Công ty phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với kỳ hạn là 5 năm và chịu lãi suất cố định là 8,8%/năm áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau cho cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, với kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại Việt Nam. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC, và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2024, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.

**22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng chi phí bảo hành	9.466.490.946	8.495.346.242
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.466.490.946</b>	<b>8.495.346.242</b>

**23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	18.268.471.702	16.545.744.499
Trích lập quỹ trong năm ( <i>Thuyết minh số 25.1</i> )	20.441.498.229	8.675.521.270
Sử dụng quỹ trong năm	(19.035.992.018)	(6.952.794.067)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.673.977.913</b>	<b>18.268.471.702</b>

**24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.426.460.498	21.929.621.487
Trích lập quỹ trong năm ( <i>Thuyết minh số 25.1</i> )	16.782.435.185	-
Sử dụng quỹ trong năm	(19.495.556.367)	(16.503.160.989)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.713.339.316</b>	<b>5.426.460.498</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022</b>							
Số đầu năm	999.998.660.000	599.555.780.400	134.807.600.821	(811.536.887)	228.338.571.655	361.134.389.958	2.323.023.465.947
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	241.532.179.280	76.180.155.060	317.712.334.340
- Công ty con phát hành cổ phiếu thường	-	-	95.025.471.708	-	(95.025.471.708)	-	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	89.990.170.000	-	-	-	(89.990.170.000)	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	82.711.957.313	82.711.957.313
- Cổ đông không kiểm soát góp thêm vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	5.761.970.001	5.761.970.001
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.018.457.853)	(657.063.417)	(8.675.521.270)
- Tăng khác	-	-	-	1.215.078.363	11.779.077	-	1.226.857.440
- Số cuối năm	1.089.988.830.000	599.555.780.400	229.833.072.529	403.541.476	276.848.430.452	525.131.408.915	2.721.761.063.768

Đơn vị tính: VND

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</b>								
Số đầu năm	1.089.988.830.000	599.555.780.400	229.833.072.529	403.541.476	276.848.430.452	525.131.408.915	2.721.761.063.768	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	310.516.859.797	44.571.917.149	355.088.776.946	
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (i)	5.946.000.000	-	-	-	-	-	5.946.000.000	
- Công ty con phát hành cổ phiếu thường (ii)	-	-	99.079.743.204	-	(99.079.743.204)	-	-	
- Cổ đông không kiểm soát góp bổ sung vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	
- Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (iii)	268.338.830.000	(268.338.830.000)	-	-	-	-	-	
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (iii)	141.686.660.000	-	-	-	(141.686.660.000)	-	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (iv)	-	-	-	-	-	(2.305.080.919)	(20.441.498.229)	
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (iv)	-	-	-	-	-	-	-	
- Giám khác	-	(1.086.030.705)	-	-	(16.782.435.185)	-	(16.782.435.185)	
-	-	-	-	(3.279.303.260)	(3.279.303.260)	-	(4.365.333.965)	
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.505.960.320.000</b>	<b>331.216.950.400</b>	<b>328.912.815.733</b>	<b>(652.489.229)</b>	<b>308.400.731.290</b>	<b>648.934.220.036</b>	<b>3.122.742.548.230</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

- (i) Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- (ii) Trong năm, Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC, một công ty con của Tập đoàn đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2021 căn cứ theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 6 năm 2022. Tập đoàn đã ghi nhận giá trị số lượng cổ phiếu thưởng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn vào chỉ tiêu vốn khác của chủ sở hữu.
- (iii) Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022.
- (iv) Công ty và công ty con trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông của Công ty số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị của các công ty con.

**25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Samsung SDS Asia Pacific Pte.Ltd	45.001.677	45.001.677	-	32.699.955	32.699.955	-
Công ty TNHH Đầu tư MVI	20.326.631	20.326.631	-	14.770.116	14.770.116	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	15.018.635	15.018.635	-	10.913.120	10.913.120	-
Quý PYN Elite	9.099.560	9.099.560	-	5.562.052	5.562.052	-
Các cổ đông khác	61.149.529	61.149.529	-	45.053.640	45.053.640	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.596.032</b>	<b>150.596.032</b>	<b>-</b>	<b>108.998.883</b>	<b>108.998.883</b>	<b>-</b>

**25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu năm	1.089.988.830.000	999.998.660.000
Tăng trong năm (Thuyết minh số 25.1)	415.971.490.000	89.990.170.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.505.960.320.000</b>	<b>1.089.988.830.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>	<b>141.686.660.000</b>	<b>89.990.170.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	<b>141.686.660.000</b>	<b>90.326.196.205</b>
<i>Trong đó:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng cổ phần	141.686.660.000	89.990.170.000
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng tiền	185.569.000	336.026.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**25.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đang ký phát hành</b>	<b>150.596.032</b>	<b>1.505.960.320.000</b>	<b>108.998.883</b>	<b>1.089.988.830.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>150.596.032</b>	<b>1.505.960.320.000</b>	<b>108.998.883</b>	<b>1.089.988.830.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>150.596.032</b>	<b>1.505.960.320.000</b>	<b>108.998.883</b>	<b>1.089.988.830.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	150.596.032	1.505.960.320.000	108.998.883	1.089.988.830.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	5.958.404	792.314
- Đô la Sing (SDG)	73.926	-
- Đồng Won Hàn Quốc (KRW)	26.234.192	15.289.127
- Đồng Euro (EUR)	2.298	3.172
- Đồng Yên Nhật (JYP)	166.092.874	57.396.559

**27. DOANH THU**

**27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>7.668.581.525.819</b>	<b>6.290.873.013.090</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	2.980.945.142.544	2.649.448.035.282
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.687.636.383.275	3.641.424.977.808
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(4.941.537.239)</b>	<b>(488.180.142)</b>
Hàng bán bị trả lại	(4.941.537.239)	(488.180.142)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>7.663.639.988.580</b>	<b>6.290.384.832.948</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	7.653.722.292.543	6.282.245.970.910
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 34)	9.917.696.037	8.138.862.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78.260.034.913	82.088.557.412
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.573.385.371	10.489.952.060
Doanh thu tài chính khác	74.391.320	190.334.166
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.907.811.604</b>	<b>92.768.843.638</b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.663.374.553.532	2.390.309.014.492
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.559.428.193.023	2.716.335.440.920
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.222.802.746.555</b>	<b>5.106.644.455.412</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	103.258.041.352	70.751.961.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.759.069.082	3.835.728.271
Lỗ từ giải thể công ty con	1.754.269.238	-
Chi phí tài chính khác	-	201.638.928
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>125.771.379.672</b>	<b>74.789.329.094</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>566.391.899.339</b>	<b>464.702.792.072</b>
- Chi phí nhân công	410.674.987.639	361.883.642.948
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.362.919.517	15.921.514.552
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.420.183.000	5.752.998.220
- Trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	2.514.635.843	5.663.738.879
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.407.320.778	55.875.357.045
- Chi phí khác	24.011.852.562	19.605.540.428
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>478.326.111.772</b>	<b>363.604.772.419</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	318.957.564.058	211.270.449.042
- Chi phí vật liệu quản lý	20.042.673.939	14.317.458.928
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	16.458.840.661	7.349.194.116
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.774.242.357	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.075.844.380	98.764.596.286
- Chi phí khác	39.016.946.377	31.903.074.047
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.044.718.011.111</b>	<b>828.307.564.491</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.709.530.076</b>	<b>525.216.206</b>
Thu từ thanh lý tài sản	261.448.222	-
Thu nhập khác	5.448.081.854	525.216.206
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.854.344.124</b>	<b>29.275.140.450</b>
Xóa sổ công nợ phải thu thuế GTGT không có khả năng thu hồi	-	16.217.796.010
Xóa sổ các khoản công nợ	-	5.707.250.189
Chi phí khác	4.854.344.124	7.350.094.251
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC</b>	<b>855.185.952</b>	<b>(28.749.924.244)</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	292.942.985.951	295.555.486.956
Chi phí nhân công	1.766.119.760.329	1.139.077.287.652
Chi phí khấu hao và hao mòn	330.866.347.757	234.853.051.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.078.818.785.704	1.763.265.201.020
Chi phí khác	127.900.982.943	146.772.218.802
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.596.648.862.684</b>	<b>3.579.523.245.888</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty và các công ty con là 20% tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm và hoạt động giáo dục và đào tạo của các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trong 15 năm kể từ năm thành lập (năm 2008). Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong 4 năm bắt đầu từ năm 2011 đến hết năm 2014 và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm bắt đầu từ năm 2015 đến hết năm 2023;
- ▶ Công ty Cổ phần CMC Consulting: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trong vòng 15 năm kể từ năm thành lập (năm 2008). Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong 4 năm bắt đầu từ năm 2008 đến hết năm 2011 và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm bắt đầu từ năm 2012 đến hết năm 2020; và
- ▶ Công ty TNHH CMC Global: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trong vòng 15 năm kể từ năm thành lập (năm 2017). Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 33.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế TNDN hiện hành	47.113.535.275	51.434.076.382
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(36.427.567)	407.325.982
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.077.107.708</u></b>	<b><u>51.841.402.364</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>402.165.884.654</b>	<b>368.739.084.740</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>	<b>(257.187.930.300)</b>	<b>(115.128.153.129)</b>
<i>Các điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ	10.762.757.989	10.959.354.752
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách	436.800.000	436.800.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập được miễn thuế	(159.845.097.997)	(79.465.438.096)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(108.542.390.292)	(47.058.869.785)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>144.977.954.354</b>	<b>253.610.931.611</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(714.708.683)	(25.696.971.836)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm</b>	<b>144.263.245.671</b>	<b>227.913.959.775</b>
<i>Trong đó:</i>		
Lỗ chịu thuế	(87.903.668.443)	(29.286.780.101)
Thu nhập chịu thuế	232.166.914.114	257.200.739.876
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	231.378.059.574	257.140.023.932
Thu nhập chịu thuế suất 10%	788.854.540	60.715.944
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>47.113.535.275</b>	<b>51.434.076.382</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	22.427.469.630	19.056.737.118
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(61.553.773.852)	(50.136.536.596)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>7.987.231.053</b>	<b>20.354.276.904</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Lợi nhuận từ giao dịch trong nội bộ Tập đoàn chưa thực hiện	281.395.425	800.878.859	519.483.434	349.329.642
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	(25.928.597.657)	(26.629.499.508)	(700.901.851)	-
Các chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	(1.560.253.455)	(1.415.262.605)	144.990.850	57.996.340
	<b>(27.488.851.112)</b>	<b>(28.044.762.113)</b>		
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>(36.427.567)</b>	<b>407.325.982</b>

**33.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Các công ty con của Tập đoàn có các khoản lỗ tính thuế từ các năm trước và các khoản lỗ tính thuế này được phép mang sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các công ty con của Tập đoàn là Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC, Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC, Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC, Công ty Cổ phần CMC Consulting và Công ty TNHH CMC Đà Nẵng có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Đây là các khoản lỗ tính thuế tạm tính của các công ty con này và chưa được cơ quan thuế quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ lũy kế nêu trên do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")/Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn - Giám đốc Tài chính
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 23 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 9 tháng 8 năm 2022
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.917.696.037	8.138.862.038
		Mua hàng hóa dịch vụ	527.620.000	570.599.787
		Cổ tức được chia	17.484.515.000	16.456.000.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Hoàn ứng	-	1.731.777.813

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Tập đoàn bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (ngày 31 tháng 3 năm 2022: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.715.096.743	989.219.680
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.715.096.743</b>	<b>989.219.680</b>
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 16.1)				
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Mua dịch vụ và phải trả khác	69.457.000	60.184.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>69.457.000</b>	<b>60.184.000</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Ứng trước tiền mua dịch vụ	10.449.667	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.449.667</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát của Công ty:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch HĐQT		
	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	435.800.000	418.920.000
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT		
	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn		
	– Giám đốc Quản trị	223.200.000	359.280.000
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn		
	– Giám đốc Tài chính	1.101.000.000	1.203.000.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	79.200.000	71.280.000
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT	79.200.000	63.360.000
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT	79.200.000	47.520.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc	865.000.000	840.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 9 tháng 8 năm 2022	66.400.000	-
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng Ban kiểm soát (Từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022)	33.200.000	89.640.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	54.000.000
Ông Jeong Sam Yong	Thành viên HĐQT	-	23.760.000
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn đến ngày 1 tháng 6 năm 2021	-	137.500.000
Ông Lương Tuấn Thành	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn		
	– Giám đốc Công nghệ	-	85.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.399.000.000</b>	<b>3.738.880.000</b>

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng

**35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	310.516.859.797	241.532.179.280
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.984.770.809)	(19.339.498.269)
Trích thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát (*)	-	(2.830.606.084)
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (*)	-	(16.782.435.185)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ</b>	<b>306.532.088.988</b>	<b>202.579.639.742</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	150.190.401	150.001.432
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>150.190.401</b>	<b>150.001.432</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	2.041	1.351
- Lãi suy giảm	2.041	1.351

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích các quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ phát triển khoa học công nghệ từ lợi nhuận để lại của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 căn cứ theo phương án phân phối lợi nhuận được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Công ty mẹ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 cũng đã được điều chỉnh giảm khoản thực trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 căn cứ theo phương án phân phối lợi nhuận được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 của các công ty con.

(\*\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 cũng đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2022/NQ ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Lĩnh vực công nghệ, giải pháp và dịch vụ phần mềm: bao gồm hoạt động sản xuất, mua bán và cho thuê thiết bị phục vụ ngành điện tử, tin học; dịch vụ tích hợp hệ thống, cung cấp giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin; gia công và xuất khẩu phần mềm cho nước ngoài...
- ▶ Lĩnh vực hạ tầng số: bao gồm các dịch vụ viễn thông; kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị viễn thông; và xây dựng cơ sở hạ tầng trên nền internet trong và ngoài nước, trên mạng di động và trên mạng cố định...
- ▶ Các dịch vụ khác bao gồm cho thuê văn phòng và dịch vụ giáo dục, đào tạo...

Ban Tổng Giám đốc cũng xác định hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực công nghệ, giải pháp và dịch vụ phần mềm	Lĩnh vực hạ tầng số	Các dịch vụ khác	Loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</b>					
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.313.310.537.859	2.305.491.642.344	44.837.808.377	-	7.663.639.988.580
Doanh thu giữa các bộ phận	96.296.731.821	21.178.924.887	185.236.322.795	(302.711.979.503)	-
Tổng doanh thu thuần theo bộ phận	5.409.607.269.680	2.326.670.567.231	230.074.131.172	(302.711.979.503)	7.663.639.988.580
<b>Chi phí</b>					
Chi phí theo bộ phận	5.229.976.737.267	2.120.871.517.894	218.006.883.625	(301.334.381.119)	7.267.520.757.667
<b>Kết quả</b>					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	179.630.532.414	205.799.049.337	12.067.247.547	(1.377.598.384)	396.119.230.914
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)	-	-	33.055.035.856	-	(27.008.382.116)
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	33.055.035.856
Lợi nhuận trước thuế TNDN theo bộ phận	179.630.532.414	205.799.049.337	45.122.283.403	(28.385.980.500)	402.165.884.654
<b>Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023</b>					
<b>Tài sản và công nợ phải trả</b>					
Tài sản bộ phận	1.769.895.635.953	2.206.950.322.760	1.265.688.519.382	-	5.242.534.478.095
Tài sản không phân bổ (ii)	-	-	-	-	1.319.336.663.065
Tổng tài sản	1.769.895.635.953	2.206.950.322.760	1.265.688.519.382	-	6.561.871.141.160
Nợ phải trả bộ phận	1.299.943.533.469	1.492.999.938.545	643.471.781.600	-	3.436.415.253.614
Nợ phải trả không phân bổ (iii)	-	-	-	-	2.713.339.316
0 Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	3.439.128.592.930



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

	Lĩnh vực công nghệ, giải pháp và dịch vụ phân mềm	Lĩnh vực hạ tầng số	Các dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Đơn vị tính: VND</b>					
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022</b>					
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.246.989.318.738	1.994.771.071.899	48.624.442.311	-	6.290.384.832.948
Doanh thu giữa các bộ phận	160.726.038.063	15.677.349.892	83.316.645.381	(259.720.033.336)	-
Tổng doanh thu thuần theo bộ phận	4.407.715.356.801	2.010.448.421.791	131.941.087.692	(259.720.033.336)	6.290.384.832.948
<b>Chi phí</b>					
Chi phí theo bộ phận	4.261.152.179.652	1.789.848.842.481	148.157.179.704	(264.206.181.934)	5.934.952.019.903
<b>Kết quả</b>					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	146.563.177.149	220.599.579.310	(16.216.092.012)	4.486.148.598	355.432.813.045
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)					13.306.271.695
Lợi nhuận trước thuế TNDN theo bộ phận	146.563.177.149	220.599.579.310	7.860.589.383	(6.284.261.102)	368.739.084.740
<b>Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022</b>					
<b>Tài sản và công nợ phải trả</b>					
Tài sản bộ phận	1.763.796.263.191	1.984.371.874.362	1.284.363.610.038	-	5.032.531.747.591
Tài sản không phân bổ (ii)					1.223.393.463.984
Tổng tài sản	1.763.796.263.191	1.984.371.874.362	1.284.363.610.038		6.255.925.211.575
Nợ phải trả bộ phận	1.397.363.764.575	1.454.695.758.145	676.678.164.589	-	3.528.737.687.309
Nợ phải trả không phân bổ (iii)					5.426.460.498
Tổng nợ phải trả	1.397.363.764.575	1.454.695.758.145	676.678.164.589		3.534.164.147.807

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, lợi nhuận từ công ty liên kết và thu nhập, chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ bao gồm các khoản đầu tư tài chính và lợi thế thương mại.
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ là quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

*Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng*

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn có các khoản cam kết với tổng giá trị là 45,6 tỷ VND liên quan đến việc xây dựng Dự án “Không gian sáng tạo CMC”.

*Cam kết cho thuê hoạt động*

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	30.460.712.077	24.853.204.531
Từ 1 năm – 5 năm	39.329.318.497	9.256.375.201
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.790.030.574</b>	<b>34.109.579.732</b>

*Cam kết thuê hoạt động*

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	64.151.857.861	2.364.914.345
Từ 1 năm – 5 năm	119.873.621.500	5.735.173.946
Trên 5 năm	29.907.549.424	30.473.824.653
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>213.933.028.785</b>	<b>38.573.912.944</b>

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phương án sáp nhập 2 công ty con là Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (công ty bị sáp nhập) và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC (công ty nhận sáp nhập). Sau khi sáp nhập, Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn sẽ trở thành một chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC CMC và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp từ Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và các công ty con chưa hoàn thành việc sáp nhập nêu trên.

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2023 của Hội Đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc thành lập Công ty TNHH CMC Investment với ngành nghề kinh doanh là “Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo” và “Thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)**

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện khác nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Hồng Phương  
Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 6 năm 2023

